

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397, Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51 và 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Bùi Quốc V**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn A1, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

2. Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1996;

Hộ khẩu thường trú: Thôn A1, xã Đ, huyện P, Hưng Yên;

Nơi ở hiện nay: T, T1, T2, Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Quốc V và chị Nguyễn Thị A tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 04/7/2014. Quá trình vợ chồng chung sống thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm các vấn đề trong cuộc sống, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Từ tháng 09/2022 cho đến nay, anh V và chị A sống ly thân, không có cuộc sống chung. Đến nay, anh V và chị A đều xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận ly hôn cho anh V và chị A.

[2]. Về con chung: Anh V và chị A chưa có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh V và chị A đều khẳng định anh, chị không có gì; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Quốc V và chị Nguyễn Thị A thỏa thuận thống nhất, chị A tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, việc thỏa thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 28/11/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Quốc V và chị Nguyễn Thị A tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Bùi Quốc V và chị Nguyễn Thị A không có con chung.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh Bùi Quốc V và chị Nguyễn Thị A đều khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Quốc V và chị Nguyễn Thị A thỏa thuận thống nhất: Chị Nguyễn Thị A tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị A đã nộp là 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006190 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phù Cừ;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- TAND tỉnh Hưng Yên (Phòng KTNV);
- UBND phường H, H1,
- Quảng Ninh (GCNKH số 30 ngày 03/7/2014);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Đình Hiền

